

Số: 06/2012/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày và đăng trên Báo Cần Thơ chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (HN, TP. HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để báo cáo);
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBMTTQVN và các đoàn thể thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Trung tâm Công báo;
- Báo Cần Thơ;
- Lưu VT, TĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(đã ký)
Lê Hùng Dũng

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng cơ quan Đảng, Nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3
năm 2012 của UBND thành phố Cần Thơ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng và kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước nhằm mục đích đảm bảo tính đồng bộ, an ninh, an toàn, khai thác có hiệu quả và phục vụ tốt cho việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước và quản lý hành chính Nhà nước trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.
2. Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị chuyên trách CNTT của các cơ quan Đảng, Nhà nước tại thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước là mạng truyền dẫn tốc độ cao, sử dụng phương thức chuyển mạch nhãn đa giao thức trên nền giao thức liên mạng (IP/MPLS) sử dụng riêng trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan Đảng và Nhà nước do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam xây dựng, vận hành.
2. Mạng LAN (LAN viết tắt của từ tiếng Anh: *Local Area Network* - Mạng máy tính cục bộ) là một hệ thống mạng dùng để kết nối các máy tính trong một phạm vi nhỏ (nhà ở, phòng làm việc, trường học...). Các máy tính trong mạng LAN có thể chia sẻ tài nguyên với nhau, mà điển hình là chia sẻ tập tin, máy in, máy quét và một số thiết bị khác.
3. Địa chỉ IP (trong đó IP là viết tắt của từ tiếng Anh: *Internet Protocol* - giao thức Internet) là một địa chỉ đơn nhất mà những thiết bị điện tử sử dụng để nhận diện và liên lạc với nhau trên mạng máy tính bằng cách sử dụng giao thức Internet.
4. DN (Viết tắt của từ tiếng Anh: *Domain name* - Tên miền) là tên được sử dụng để định danh địa chỉ Internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm “.”
5. GIS (Viết tắt của từ tiếng Anh: *Geographic Information System* - Hệ thống thông tin địa lý) là hệ thống gồm tích hợp các thành phần như phần cứng, phần mềm và dữ liệu để nắm bắt, quản lý, phân tích và hiển thị tất cả các hình thức tham chiếu thông tin địa lý.
6. VPN (Viết tắt của từ tiếng Anh: *Virtual Private Network* - Mạng riêng ảo) là một mạng dành riêng để kết nối các máy tính của các công ty, tập đoàn hay các tổ chức với nhau thông qua mạng Internet công cộng.
7. MPLS (Viết tắt của từ tiếng Anh: *Multiprotocol Label Switching* - Chuyển mạch nhãn đa giao thức) là một phương thức được cải tiến cho việc chuyển tiếp các gói tin trong mạng bằng cách sử dụng các nhãn được gắn thêm vào trong các gói tin IP (IP packet).
8. VoIP (Viết tắt của từ tiếng Anh: *Voice over Internet Protocol* - Thoại trên giao thức IP) là công nghệ truyền âm thanh, tiếng nói (thoại) sử dụng giao thức mạng IP trên cơ sở hạ tầng mạng Internet với thông tin được truyền tải là mã hóa của âm thanh.

Điều 4. Hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và các dịch vụ cơ bản sử dụng trên Mạng chuyên dùng

1. Hạ tầng kỹ thuật bao gồm một số thiết bị chính: máy chủ các loại (server), máy trạm (PC, máy tính xách tay), máy in (printer), máy quét (scanner), thiết bị lưu giữ điện (UPS), thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB, Flash Ram), thiết bị kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, thiết bị bảo mật chuyên dụng

(Firewall), các thiết bị mạng (router, switch, hub, modem...) và các thiết bị CNTT - truyền thông khác có liên quan.

2. Phần mềm bao gồm các hệ thống phần mềm ứng dụng CNTT được triển khai trong các cơ quan nhà nước của thành phố như: phần mềm quản lý văn bản và điều hành; hệ thống phần mềm “một cửa”; hệ thống cổng thông tin điện tử thành phố; thư điện tử thành phố (cantho.gov.vn); các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các phần mềm khác có liên quan.

3. Dịch vụ cơ bản cung cấp trên Mạng chuyên dùng bao gồm:

a) Các dịch vụ truyền số liệu và thuê kênh riêng sử dụng công nghệ kết nối mạng riêng ảo (VPN) gồm:

- Dịch vụ Intranet IP/MPLS VPN;
- Dịch vụ Extranet IP/MPLS VPN;
- Dịch vụ Internet IP/MPLS VPN;
- Dịch vụ IP VPN truy nhập từ xa;
- Dịch vụ VPN liên kết giữa các nhà cung cấp.

b) Dịch vụ hội nghị truyền hình.

c) Các dịch vụ giá trị gia tăng gồm:

- Dịch vụ truy nhập Internet;
- Dịch vụ trung tâm dữ liệu;
- Dịch vụ cho thuê chỗ trên máy chủ mạng;
- Dịch vụ máy chủ mạng;
- Dịch vụ máy chủ thư điện tử;
- Dịch vụ thoại VoIP.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG CHUYÊN DÙNG

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, vận hành Mạng chuyên dùng

1. Bưu điện Trung ương thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là đơn vị quản lý, vận hành Mạng chuyên dùng. Viễn thông Cần Thơ là đơn vị tại địa phương, đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ký kết hợp đồng với các đơn vị sử dụng dịch vụ Mạng chuyên dùng, chịu trách nhiệm đảm bảo vận hành và cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

2. Sở Thông tin và Truyền thông quản lý về tình hình kết nối, sử dụng của các cơ quan, đơn vị kết nối hệ thống Mạng chuyên dùng của thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về việc khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng đã triển khai.

3. Mạng chuyên dùng phải được bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần).

4. Bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng máy tính và nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp đường truyền Mạng chuyên dùng

1. Đảm bảo duy trì hoạt động thông suốt kết nối của các đơn vị kết nối, sử dụng Mạng chuyên dùng.

2. Đảm bảo cung cấp băng thông đường truyền Mạng chuyên dùng và các dịch vụ khác theo đúng hợp đồng đã ký kết.

3. Bố trí nguồn nhân lực, chuẩn bị đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn sàng ứng cứu thông tin, khắc phục kịp thời các sự cố có liên quan ảnh hưởng đến quá trình quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Mạng chuyên dùng; đồng thời cung cấp danh sách hỗ trợ kỹ thuật các điểm kết nối cho Sở Thông tin và Truyền thông cùng các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng.

4. Phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng, an toàn, an ninh thông tin của hệ thống Mạng chuyên dùng.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Quản lý, rà soát công tác kết nối, khai thác sử dụng tài nguyên mạng máy tính của các cơ quan, đơn vị tham gia vào Mạng chuyên dùng. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên mạng máy tính theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu và thông số mạng phù hợp với tiêu chuẩn chung do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2. Xây dựng kế hoạch khai thác, phát triển các ứng dụng trên Mạng chuyên dùng.

3. Hướng dẫn chuẩn CNTT, mô hình mạng LAN chuẩn; cung cấp thông tin về các lớp địa chỉ IP và các hướng dẫn kỹ thuật khác liên quan đến việc kết nối, quản lý và khai thác tài nguyên Mạng chuyên dùng.

4. Xây dựng kế hoạch tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo về an toàn, bảo mật hệ thống mạng; quản lý và khai thác tài nguyên Mạng chuyên dùng cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các đơn vị kết nối Mạng chuyên dùng để cập nhật những kiến thức quản trị hệ thống; sử dụng và khai thác có hiệu quả Mạng chuyên dùng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và ứng dụng CNTT của đơn vị.

5. Phối hợp cùng các đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo hệ thống Mạng chuyên dùng vận hành thông suốt, phục vụ tốt cho việc truyền nhận thông tin giữa các đơn vị tham gia vào Mạng chuyên dùng.

6. Thường xuyên kiểm tra hoạt động của Mạng chuyên dùng và các thiết bị kết nối Mạng chuyên dùng đã được lắp đặt tại đơn vị.

7. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân thành phố tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng CNTT tại địa phương, đơn vị quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia kết nối vào Mạng chuyên dùng

1. Trách nhiệm các đơn vị:

a) Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức, phân công cụ thể cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị theo đúng các quy định hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng chuyên dùng.

c) Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến Mạng chuyên dùng không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống Mạng chuyên dùng.

d) Tuân thủ các quy định về đảm bảo thông tin Mạng chuyên dùng của Bộ Thông tin và Truyền thông; các quy định pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.

đ) Cử cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ quản trị mạng tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc cử đi đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

e) Báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng CNTT tại đơn vị mình theo các hình thức:

- Chế độ báo cáo thường xuyên: Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

- Chế độ báo cáo đột xuất: Khi Sở Thông tin và Truyền thông yêu cầu hoặc khi đơn vị gặp sự cố trong quá trình sử dụng Mạng chuyên dùng.

g) Bảo vệ tài nguyên Internet (IP Mạng chuyên dùng, LAN) do đơn vị mình quản lý.

2. Trách nhiệm của cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT tại các đơn vị:

a) Tham gia đầy đủ các hội nghị, buổi tập huấn, chương trình đào tạo do thành phố tổ chức hoặc ủy quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

b) Thiết lập địa chỉ IP và quyền truy cập của máy trạm tham gia vào hệ thống mạng LAN của đơn vị theo quy định.

c) Khi có sự cố về thiết bị nối Mạng chuyên dùng, dịch vụ kết nối Mạng chuyên dùng:

- Đối với các cơ quan, đơn vị trong danh sách theo Phụ lục II: cán bộ chuyên trách CNTT có trách nhiệm báo cáo về bộ phận quản trị Mạng chuyên dùng của Sở Thông tin và Truyền thông (Trung

tâm CNTT và Truyền thông) và thông báo tới bộ phận kỹ thuật của Viễn thông Cần Thơ để thực hiện hoặc được hướng dẫn thực hiện việc sửa chữa, bảo trì.

- Đối với các cơ quan Đảng trong danh sách theo Phụ lục III: cán bộ chuyên trách CNTT có trách nhiệm báo cáo về bộ phận quản trị Mạng chuyên dùng của Văn phòng Thành ủy (Phòng CNTT - Văn phòng Thành ủy) và thông báo tới bộ phận kỹ thuật của Viễn thông Cần Thơ để thực hiện hoặc được hướng dẫn thực hiện việc sửa chữa, bảo trì

- Đối với các cơ quan, đơn vị không nằm trong danh sách theo Phụ lục II và III: cán bộ chuyên trách CNTT có trách nhiệm thông báo tới bộ phận kỹ thuật của Viễn thông Cần Thơ để thực hiện hoặc được hướng dẫn thực hiện việc sửa chữa, bảo trì.

d) Lập Sổ nhật ký để theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối Mạng chuyên dùng; quá trình kết nối, sử dụng Mạng chuyên dùng.

Điều 9. Bảo mật hệ thống Mạng chuyên dùng

1. Địa chỉ IP của Mạng chuyên dùng thống nhất trong quy hoạch cả nước; Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên cập nhật danh sách địa chỉ IP của đơn vị kết nối vào Mạng chuyên dùng.

2. Địa chỉ IP của máy trạm, máy chủ, thiết bị kết nối mạng nội bộ của đơn vị do các đơn vị có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ.

3. Các thông tin, dữ liệu dùng chung lưu trữ trên Mạng chuyên dùng phải được định kỳ sao chép lên các thiết bị lưu trữ và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.

4. Các đơn vị, cá nhân tham gia Mạng chuyên dùng không được tiết lộ phương thức truy nhập vào Mạng chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân khác; không được tìm cách truy nhập dưới bất cứ hình thức nào vào các khu vực không được phép truy cập; không được sửa đổi các thông tin trên Mạng chuyên dùng nếu chưa được trao quyền.

5. Các cơ quan, đơn vị xây dựng cơ chế bảo mật, an toàn thông tin cho hệ thống mạng nội bộ của đơn vị; bảo đảm an toàn, chống truy cập trái phép từ bên ngoài cũng như từ bên trong cơ quan vào mạng nội bộ của đơn vị và Mạng chuyên dùng.

6. Khi có sự cố liên quan đến kết nối, truy cập Mạng chuyên dùng cần nhanh chóng thông báo ngay đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để tiến hành những biện pháp khắc phục trong thời gian sớm nhất.

Chương III

KHAI THÁC THÔNG TIN TRÊN MẠNG CHUYÊN DÙNG

Điều 10. Thông tin truyền nhận trên Mạng chuyên dùng

Các thông tin được truyền nhận trên Mạng chuyên dùng của thành phố bao gồm:

1. Công báo Chính phủ và các văn bản pháp quy của thành phố được cập nhật hàng ngày.

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tổng hợp của Ủy ban nhân dân thành phố; cơ sở dữ liệu về kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực khác có liên quan của các đơn vị tham gia kết nối Mạng chuyên dùng.

3. Các văn bản phục vụ công tác điều hành, giao dịch giữa Ủy ban nhân dân thành phố với các đơn vị và giữa các đơn vị tham gia vào Mạng chuyên dùng.

4. Thông tin chuyên đề về các lĩnh vực như: kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực khác có liên quan; tình hình đầu tư của các dự án trong và ngoài nước, tiềm năng, triển vọng của thành phố Cần Thơ.

5. Thông tin trao đổi trên hệ thống Thư điện tử của thành phố theo tên miền mail.cantho.gov.vn.

6. Hệ thống cơ sở dữ liệu GIS.

7. Các nội dung thông tin khác phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng.

Điều 11. Nguyên tắc sử dụng, chia sẻ, lưu giữ và bảo mật thông tin trên Mạng chuyên dùng

1. Thông tin cập nhật vào Mạng chuyên dùng phải soạn thảo theo bộ mã các ký tự chữ Việt theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001 (Unicode).

2. Khuyến khích các đơn vị tham gia Mạng chuyên dùng áp dụng chuẩn quốc tế về quản lý bảo mật thông tin của tổ chức Chất lượng quốc tế và Hội đồng Điện tử quốc tế (ISO 27001:2005).

3. Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước được truyền tải trên Mạng chuyên dùng phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng chuyên dùng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, CNTT và lưu trữ.

Điều 12. Tính pháp lý của các thông tin trên Mạng chuyên dùng

1. Các thông tin, văn bản được lưu giữ trên Mạng chuyên dùng sau khi được xác thực có giá trị tương đương văn bản gốc. Các đơn vị sau khi nhận được thông tin, văn bản qua Mạng chuyên dùng có trách nhiệm tổ chức thi hành như nhận theo phương thức truyền thống.

2. Đồng thời với việc truyền các văn bản trên Mạng chuyên dùng, các đơn vị vẫn phải giữ văn bản trên giấy theo phương thức truyền thống và lưu trữ theo quy định hiện hành về công tác lưu trữ.

3. Các thông tin khai thác từ Mạng chuyên dùng nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền xác thực tính chính xác thì chỉ có giá trị tham khảo.

Chương IV

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG, THAY ĐỔI THÔNG TIN SỬ DỤNG VÀ CHI TRẢ CƯỚC PHÍ SỬ DỤNG

Điều 13. Tham gia vào Mạng chuyên dùng

1. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về đối tượng tham gia vào Mạng chuyên dùng theo từng thời kỳ.

2. Các đơn vị có yêu cầu về kết nối Mạng chuyên dùng có văn bản gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, rà soát và xem xét thống nhất. Sau khi thống nhất, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện thủ tục để đơn vị có yêu cầu được tham gia kết nối Mạng chuyên dùng.

Điều 14. Từ chối tham gia vào Mạng chuyên dùng

1. Các đơn vị đã được kết nối Mạng chuyên dùng có yêu cầu từ chối việc tiếp tục tham gia Mạng chuyên dùng phải có văn bản gửi về Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ xem xét quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các đơn vị sau khi không tiếp tục tham gia kết nối vào Mạng chuyên dùng phải tự thực hiện các biện pháp kỹ thuật, hành chính đảm bảo an toàn, an ninh và khai thác có hiệu quả hệ thống mạng thông tin nhằm phục vụ tốt cho việc ứng dụng CNTT của đơn vị mình.

Điều 15. Ký kết hợp đồng sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Đối với các cơ quan Nhà nước thuộc danh sách Phụ lục II, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhu cầu của đơn vị liên quan đến vấn đề ký kết hợp đồng, đại diện ký kết với Viễn thông Cần Thơ với gói hợp đồng chung, thích hợp cho các đơn vị.

2. Đối với các cơ quan Đảng thuộc danh sách Phụ lục III, Văn phòng Thành ủy tổng hợp nhu cầu của đơn vị liên quan đến vấn đề ký kết hợp đồng, đại diện ký kết với Viễn thông Cần Thơ với gói hợp đồng chung, thích hợp cho các đơn vị.

3. Các đơn vị còn lại ký kết hợp đồng trực tiếp với Viễn thông Cần Thơ về việc sử dụng Mạng chuyên dùng theo nhu cầu của đơn vị và thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông các thông tin được ký kết.

Điều 16. Thay đổi thông tin sử dụng vào Mạng chuyên dùng

1. Đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc danh sách Phụ lục II, các đơn vị có yêu cầu về việc thay đổi thông tin sử dụng (như dung lượng, dịch vụ, cấu hình mạng, địa chỉ...) phải thông báo và phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện.

2. Đối với các cơ quan Đảng trong danh sách theo Phụ lục III, các đơn vị có yêu cầu về việc thay đổi thông tin sử dụng (như dung lượng, dịch vụ, cấu hình mạng, địa chỉ...) phải thông báo và phối hợp cùng Văn phòng Thành ủy để tổ chức thực hiện.

3. Đối với các đơn vị không thuộc danh sách Phụ lục II và III khi có yêu cầu thay đổi thông tin sử dụng (như dung lượng, dịch vụ, cấu hình mạng, địa chỉ...), các đơn vị cần thông báo về Viễn thông

Cần Thơ để tổ chức thực hiện. Đồng thời, thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông về những thay đổi đã thực hiện.

Điều 17. Chi trả cước phí sử dụng

1. Các cơ quan Nhà nước thuộc danh sách Phụ lục II

a) Trung tâm CNTT và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông lập dự toán và trả chi phí sử dụng cước hòa mạng, sử dụng dịch vụ của Mạng chuyên dùng hàng năm trong kinh phí sự nghiệp ứng dụng CNTT.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động này.

2. Các cơ quan Đảng thuộc danh sách Phụ lục III

a) Văn phòng Thành ủy lập dự toán và trả chi phí sử dụng cước hòa mạng, sử dụng dịch vụ của Mạng chuyên dùng hàng năm.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp cùng Văn phòng Thành ủy bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động này.

3. Các đơn vị không thuộc danh sách Phụ lục II và Phụ lục III

Các đơn vị tự chi trả cước phí hòa mạng và phí sử dụng Mạng chuyên dùng theo hợp đồng đơn vị đã ký kết với Viễn thông Cần Thơ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý của mình.

3. Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị khi tham gia vào hệ thống Mạng chuyên dùng có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc Quy chế này. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tham gia vào hệ thống có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị mình trong quá trình tham gia điều hành, khai thác hệ thống mạng. Tùy theo mức độ vi phạm, cán bộ vi phạm chịu kỷ luật, xử lý hành chính hoặc trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(đã ký)

Lê Hùng Dũng

PHỤ LỤC I
Danh sách các cơ quan Đảng, Nhà nước thành phố Cần Thơ
kết nối, sử dụng Mạng chuyên dùng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3
năm 2012 của UBND thành phố thành phố)

Số TT	Đơn vị
1	Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
2	Ban Dân tộc thành phố
3	Ban Dân vận Thành ủy
4	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố
6	Ban Quản lý dự án ĐTXD Trung tâm Văn hóa Tây Đô
7	Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị
8	Ban Quản lý Khu đô thị Nam Cần Thơ
9	Ban Tổ chức Thành ủy
10	Ban Tuyên giáo Thành ủy
11	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố
12	Cục Hải quan thành phố
13	Cục Thống kê thành phố
14	Cục Thuế thành phố
15	Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ
16	Đảng ủy Công an thành phố
17	Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính đảng
18	Đảng ủy Khối doanh nghiệp
19	Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ
20	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM thành phố Cần Thơ
21	Hội Cựu chiến binh thành phố
22	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố
23	Hội Nông dân thành phố
24	Huyện ủy Cờ Đỏ
25	Huyện ủy Phong Điền
26	Huyện ủy Thới Lai
27	Huyện ủy Vĩnh Thạnh
28	Liên đoàn Lao động thành phố

29	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị
30	Liên minh các Hợp tác xã
31	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Cần Thơ
32	Quận ủy Bình Thủy
33	Quận ủy Cái Răng
34	Quận ủy Ninh Kiều
35	Quận ủy Ô Môn
36	Quận ủy Thốt Nốt
37	Quỹ đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ
38	Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy
39	Sở Công Thương
40	Sở Giáo dục và Đào tạo
41	Sở Giao thông vận tải
42	Sở Kế hoạch và Đầu tư
43	Sở Khoa học và Công nghệ
44	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
45	Sở Ngoại vụ
46	Sở Nội vụ
47	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
48	Sở Tài nguyên và Môi trường
49	Sở Thông tin và Truyền thông
50	Sở Tư pháp
51	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
52	Sở Xây dựng
53	Sở Y tế
54	Thanh tra thành phố
55	Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ
56	Trung tâm Công nghệ phần mềm Cần Thơ
57	Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ
58	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Cần Thơ
59	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố
60	Trung tâm Xúc tiến - Đầu tư - Thương mại và Du lịch
61	Trường Cao đẳng Cần Thơ
62	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ
63	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ

64	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ
65	Trường Chính trị
66	UBND huyện Cờ Đỏ
67	UBND huyện Phong Điền
68	UBND huyện Thới Lai
69	UBND huyện Vĩnh Thạnh
70	UBND quận Bình Thủy
71	UBND quận Cái Răng
72	UBND quận Ninh Kiều
73	UBND quận Ô Môn
74	UBND quận Thốt Nốt
75	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy
76	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố
77	Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố
78	Văn phòng Thành ủy
79	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
80	Viện Kiểm sát nhân dân thành phố
81	Viện Kiến trúc Quy hoạch thành phố
82	Viện Kinh tế - Xã hội thành phố

PHỤ LỤC II
Danh sách các đơn vị do Sở Thông tin và Truyền thông
ký kết hợp đồng và chi trả cước sử dụng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3
năm 2012 của UBND thành phố thành phố Cần Thơ)

TT	Đơn vị
1	Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
2	Ban Dân tộc thành phố
3	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ
4	Ban Quản lý Khu đô thị Nam Cần Thơ
5	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố
6	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Cần Thơ
7	Hội Cựu chiến binh thành phố
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố
9	Hội Nông dân thành phố
10	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị
11	Liên minh các Hợp tác xã
12	Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy
13	Sở Công Thương
14	Sở Giáo dục và Đào tạo
15	Sở Giao thông vận tải
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư
17	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
19	Sở Ngoại vụ
20	Sở Nội vụ
21	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	Sở Tài nguyên và Môi trường
23	Sở Thông tin và Truyền thông
24	Sở Tư pháp
25	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
26	Sở Xây dựng
27	Sở Y tế
28	Thanh tra thành phố
29	Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông Cần Thơ
30	Trung tâm Xúc tiến - Đầu tư - Thương mại và Du lịch

31	UBND huyện Cờ Đỏ
32	UBND huyện Phong Điền
33	UBND huyện Thới Lai
34	UBND huyện Vĩnh Thạnh
35	UBND quận Bình Thủy
36	UBND quận Cái Răng
37	UBND quận Ninh Kiều
38	UBND quận Ô Môn
39	UBND quận Thốt Nốt
40	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố
41	Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố
42	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
43	Viện Kinh tế - Xã hội thành phố

PHỤ LỤC III
Danh sách các cơ quan Đảng do Văn phòng Thành ủy
ký kết hợp đồng và chi trả cước sử dụng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3
Năm 2012 của UBND thành phố thành phố Cần Thơ)

TT	Đơn vị
1	Ban Dân vận Thành ủy
2	Ban Tổ chức Thành ủy
3	Ban Tuyên giáo Thành ủy
4	Đảng ủy Công an thành phố
5	Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính đảng
6	Đảng ủy Khối doanh nghiệp
7	Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ
8	Huyện ủy Cờ Đỏ
9	Huyện ủy Phong Điền
10	Huyện ủy Thới Lai
11	Huyện ủy Vĩnh Thạnh
12	Quận ủy Bình Thủy
13	Quận ủy Cái Răng
14	Quận ủy Ninh Kiều
15	Quận ủy Ô Môn
16	Quận ủy Thốt Nốt
17	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy
18	Văn phòng Thành ủy